

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 1

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các
chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về:

1. Lập, và giao, điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm.

2. Huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

4. Cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Tổ chức quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Theo dõi, kiểm tra Giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là dự án thành phần)* là tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, **nội dung** hoạt động cụ thể và ~~giải pháp~~ **trách nhiệm quản lý, tổ chức cụ thể** nhằm để thực hiện các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. *Chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là chủ dự án thành phần)* là bộ, cơ quan trung ương ~~được Thủ tướng Chính phủ giao~~ chủ trì quản lý một hoặc một số dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định đầu tư ~~phê duyệt~~ chương trình.

3. *Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình)* là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền giao quản lý, **tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo phạm vi, địa bàn quản lý** ~~Thủ tướng Chính phủ giao~~ ~~mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.~~

4. *Đơn vị chủ trì liên kết* là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.

5. *Đối tượng liên kết* là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác.

6. *Vốn đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia* là ngân sách địa phương, được bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và trong dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư

công bằng năm để trực tiếp thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

7. *Lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia* là việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

8. *Cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp* là việc áp dụng quy trình đơn giản, thủ tục rút gọn trong lập, thẩm định, quyết định dự án, lựa chọn nhà thầu thi công công trình và quản lý thi công, bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng.

9. *Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia* là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

108. *Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị* là phương thức hỗ trợ thông qua dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị.

119. *Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng* là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ do chính cộng đồng dân cư đề xuất và tổ chức thực hiện.

1210. *Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ* là phương thức hỗ trợ thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện hoạt động hỗ trợ người dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

1311. *Hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù* là phương thức hỗ trợ thông qua các dự án, mô hình mẫu hoặc các dự án, mô hình gắn phát triển sản xuất với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới do bộ, cơ quan trung ương quản lý, tổ chức thực hiện.

14. *Giám sát chương trình mục tiêu quốc gia* là hoạt động theo dõi, kiểm tra kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm cả kế hoạch đầu tư công nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia), việc tổ chức quản lý và tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

~~15. Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia là hoạt động xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của Nhà nước tại một thời điểm nhất định. Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm: đánh giá hàng năm, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động, đánh giá đột xuất tình hình thực hiện chương trình.~~

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tuân thủ quy định của Hiến pháp, pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, đầu tư công, đấu thầu; quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

~~2. Thực hiện đúng trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương ở các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình.~~

2. Phân cấp rõ nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan trung ương ban hành cơ chế, chính sách, quản lý, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; các địa phương quyết định lựa chọn nội dung, phân bổ nguồn lực, giải pháp tổ chức thực hiện các chương trình.

3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lấy người dân làm đích đến trong thiết kế cơ chế, chính sách, xây dựng nội dung, tổ chức quản lý và triển khai các giải pháp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đảm bảo Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường huy động nguồn lực xã hội, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; ~~khắc phục không để xảy ra tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.~~

5. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II

LẬP, PHÊ DUYỆT, GIAO, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM

Điều 5. Lập, quyết định, giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia

1. Bộ, cơ quan trung ương được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm đề xuất nhu cầu vốn ngân sách trung ương cho thực hiện từng chương trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm cùng thời điểm hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công.

Việc lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của tại Chương II Luật Đầu tư công và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công.

~~2. Việc lập kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.~~

~~23. Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm vốn ngân sách trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần và các cơ quan có liên quan:~~

a) Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ, và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ~~nguồn vốn~~ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đề xuất giải pháp chủ yếu để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, gửi ~~Bộ Kế hoạch và Đầu tư~~, Bộ Tài chính tổng hợp.

b) ~~Xây dựng phương án phân bổ và~~ Thông báo dự kiến mức vốn sự nghiệp ~~nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; hàng năm thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 3 năm của chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.~~

~~4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:~~

~~a) Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.~~

~~b) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định Luật Đầu tư công.~~

3. Bộ Tài chính tổng hợp, trình:

a) Chính phủ quyết định phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ; kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo tổng số vốn từng chương trình.

Điều 6. Lập, phê duyệt và, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại các cửa cơ quan chủ quản chương trình

~~1. Việc lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

1. Lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại cấp tỉnh

a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương; Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành quy định về tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của từng chủ chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương chi tiết theo vốn trong nước, vốn nước ngoài của từng dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư công trung hạn (bao gồm các thông tin: tên dự án, chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện và các thông tin khác có liên quan); kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp tỉnh, tổng vốn sự nghiệp ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 5 năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh) giai đoạn 5 năm chi tiết theo

vốn trong nước, vốn nước ngoài của từng dự án thành phần, danh mục dự án đầu tư công trung hạn; thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh) giai đoạn 5 năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

2. Căn cứ lập kế hoạch

a) ~~Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm của bộ, ngành và địa phương.~~

b) ~~Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.~~

c) ~~Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; thông báo của chủ chương trình về mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia.~~

d) ~~Hướng dẫn xây dựng nội dung, hoạt động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần.~~

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và vốn tự cân đối của ngân sách cấp tỉnh chi tiết đến dự án thành phần, danh mục dự án đầu tư công của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

3. Nội dung kế hoạch của địa phương

a) ~~Mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình mục tiêu quốc gia.~~

b) ~~Khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).~~

c) ~~Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.~~

d) ~~Nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có).~~

đ) ~~Giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện.~~

3. Lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại cấp xã

a) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước chi tiết đến dự án thành phần, danh mục và mức bố trí vốn cho từng dự án đầu tư công; mức vốn sự nghiệp ngân sách cấp xã (nếu có) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước cho các đơn vị thực hiện.

4. Nội dung kế hoạch của bộ, cơ quan trung ương

a) Nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có).

b) Giải pháp tổ chức thực hiện.

5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm, cơ quan chủ quản chương trình phải hoàn thành việc lập, phê duyệt, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

a) Đối với việc lập kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối từ ngân sách cấp tỉnh); tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 5 năm (nếu có) của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chi tiết theo cơ cấu vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn trong nước, vốn nước ngoài, vốn hợp pháp khác (nếu có) theo từng dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư công trung hạn (bao gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện và các thông tin khác có liên quan).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

c) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

~~Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, tổng hợp danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.~~

~~d) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp xã trực thuộc.~~

4. Phân bổ, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại các bộ, cơ quan trung ương

a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, Bộ, cơ quan trung ương phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có) theo quy định Luật Đầu tư công.

b) Căn cứ thông báo của chủ chương trình về tổng mức vốn sự nghiệp giai đoạn 5 năm, Bộ, cơ quan trung ương phê duyệt nhiệm vụ, ban hành kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ sử dụng vốn sự nghiệp theo từng chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 7. Lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

1. Lập, phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và phù hợp với kế hoạch thực hiện từng chương trình trong giai đoạn 5 năm

a) Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia đề xuất nhu cầu dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương hằng năm thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia gửi các chủ chương trình, chủ dự án thành phần.

b) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần tổng hợp, đề xuất nhu cầu và phương án phân bổ dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương hằng năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gửi Bộ Tài chính.

c) Căn cứ, trình tự, nội dung và thời gian thực hiện lập dự toán, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với lập kế hoạch thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng người dân trên địa bàn cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

1. Việc lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương và các cấp tại địa phương thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Nội dung xây dựng kế hoạch tại các cấp của địa phương

a) Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm thực hiện, khả năng hoàn thành, mục tiêu kế hoạch giai đoạn 5 năm.

b) Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm kế tiếp theo từng nội dung, dự án thành phần.

c) Dự kiến nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên, theo nguồn vốn (bao gồm, vốn đề xuất hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, vốn tự cân đối của ngân sách cấp thực hiện); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác tại địa phương (nếu có); vốn tín dụng (nếu có); vốn huy động hợp pháp khác (nếu có). Riêng lập kế hoạch của cấp tỉnh phải làm rõ mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định từng chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Dự kiến mức vốn bố trí thực hiện từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư (theo quy định về phân cấp của địa phương).

đ) Giải pháp quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Nội dung kế hoạch của bộ, cơ quan trung ương

a) Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm thực hiện.

b) Nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động kế hoạch năm sau; danh mục dự án đầu tư (nếu có).

c) Giải pháp tổ chức thực hiện.

4. Căn cứ, trình tự lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Đối với lập kế hoạch thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia thực hiện của người dân trên địa bàn cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. 5. Giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về dự toán, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm hoặc Nghị quyết của Chính phủ thông qua phương án bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương hằng năm (nếu có), Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư

~~công vốn, dự toán~~ ngân sách trung ương năm sau **theo tổng mức vốn** của từng chương trình mục tiêu quốc gia ~~theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.~~

b) Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương hoàn thành việc giao mục tiêu, nhiệm vụ; dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư **công vốn ngân sách nhà nước** hằng năm chi tiết theo **ngân sách trung ương, địa phương, dự án, tiểu dự án, nội dung** thành phần thuộc từng chương trình, danh mục dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

Đối với lập, phê duyệt và giao danh mục dự án đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, thực hiện theo quy định về phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm

a) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm, Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phải hoàn thành phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc; báo cáo kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

b) Nội dung báo cáo kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của bộ, cơ quan trung ương bao gồm: nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có); giải pháp tổ chức thực hiện.

c) Nội dung báo cáo kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của địa phương bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình mục tiêu quốc gia; khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có); nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương; nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có); giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hằng năm, Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thành việc phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán, kế hoạch trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

Trường hợp trong năm được giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước, Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thành việc phân bổ, giao dự toán, kế hoạch cho cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc chậm nhất không quá sau 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung.

b) Bộ Tài chính thực hiện rà soát báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán, kế hoạch đầu tư công đã được giao; không bảo đảm các yêu cầu theo quy định về pháp luật, có ý kiến bằng văn bản cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương và thực hiện thủ tục kiểm soát chi.

b) Trường hợp bộ, cơ quan trung ương và địa phương không phân bổ hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển trước ngày 30 tháng 6 năm thực hiện.

c) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định.

Trường hợp chậm tiến độ thực hiện, không giải ngân hết dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công được giao hằng năm nhưng không được phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm sau, địa phương chịu trách nhiệm bố trí đủ kinh phí, vốn của ngân sách cấp mình trong dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công để hoàn thành nhiệm vụ, dự án đúng tiến độ.

Điều 9 8. Phương pháp lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng

1. Yêu cầu về lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng

a) Quá trình lập kế hoạch được thực hiện công khai, minh bạch đảm bảo phát huy dân chủ tại cơ sở, bình đẳng giới và có sự tham gia của chính quyền, đại diện các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư cư trú trên địa bàn cấp xã.

b) Cộng đồng dân cư được đề xuất và tham gia ý kiến vào kế hoạch thực hiện nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn cấp xã.

2. Nội dung lấy ý kiến cộng đồng dân cư kế hoạch

a) Nội dung, hoạt động, danh mục dự án đầu tư.

b) Khả năng huy động vốn: Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, huy động từ cộng đồng dân cư, các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

c) Giải pháp tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm các bên tham gia.

3. Trình tự lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng

a) Căn cứ hướng dẫn và thông báo dự kiến vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của cấp tỉnh huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã **giao phòng chuyên môn trực thuộc** thông báo rộng rãi tới cộng đồng dân cư tại thôn, bản, ấp, khóm, sóc và tương đương (được gọi là thôn) và các tổ chức đoàn thể, các bên có liên quan về mục tiêu, dự kiến các hoạt động, hình thức hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện **mỗi** từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã **Phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia** hướng dẫn các Ban phát triển thôn tổ chức họp cộng đồng dân cư để thống nhất nội dung đề xuất nhu cầu thực hiện các hoạt động thuộc **từng** chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Ban phát triển thôn rà soát, tổng hợp nhu cầu của cộng đồng dân cư theo **từng chương trình mục tiêu quốc gia**, gửi **Phòng chuyên môn tổng hợp**, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp nhu cầu của cộng đồng không phù hợp với nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia, Phòng chuyên môn tổ chức họp với Ban phát triển thôn, các tổ chức đoàn thể thảo luận, thống nhất các nội dung, hoạt động đưa vào kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã, làm rõ các khoản đóng góp, khả năng tham gia của cộng đồng dân cư.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã **tổ chức họp với Ban phát triển thôn, các tổ chức đoàn thể để thảo luận, thống nhất về các nội dung, hoạt động đưa vào kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã, làm rõ các khoản đóng góp, khả năng tham gia của cộng đồng dân cư.**

d) Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau cấp xã, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huyện để tổng hợp.

Điều 10 9. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội quyết định.

b) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương (bao gồm mức vốn bố trí thực hiện từng dự án thành phần thuộc từng chương trình; danh mục, mức vốn bố trí từng dự án đầu tư phát triển thực hiện từng chương trình) do cấp mình quản lý trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn từng chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Cấp có thẩm quyền giao mục tiêu, nhiệm vụ và thông báo mức vốn sự nghiệp giai đoạn 5 năm quyết định việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và mức vốn sự nghiệp của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

2. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương hằng năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của một số bộ, cơ quan trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp không làm thay đổi tổng dự toán ngân sách trung ương (chi tiết theo chi đầu tư, chi thường xuyên) thực hiện từng chương trình đã được Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội kết quả điều chỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

b) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương hằng năm thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia do cấp mình quản lý trong trường hợp không vượt tổng dự toán từng chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định và báo cáo kết quả điều chỉnh theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

c) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định phân cấp của Hội đồng nhân dân

cấp tỉnh quyết định quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương (bao gồm mức vốn bố trí thực hiện từng dự án thành phần thuộc từng chương trình; danh mục, mức vốn bố trí từng dự án đầu tư phát triển thực hiện từng chương trình) do cấp mình quản lý trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn hằng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Cấp có thẩm quyền giao mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia quyết định điều chỉnh chỉ tiêu về mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm của từng chương trình.

Chương III

HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 11 9. Huy động và sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính 5 năm và được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch đầu tư công, dự toán vốn ngân sách nhà nước hằng năm theo từng nguồn vốn tại các cấp.

a) Ngân sách trung ương đảm bảo cân đối, bố trí để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo tổng mức đã được Quốc hội phê duyệt trong chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm.

b) Ngân sách địa phương đảm bảo cân đối, bố trí vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

Địa phương được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm, cân đối vốn ngân sách địa phương hằng năm không thấp hơn mức vốn đối ứng thực hiện từng chương trình tại địa phương theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Địa phương không được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm, cân đối vốn ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện từng chương trình.

2. Nguyên tắc phân bổ và sử dụng và giao vốn nguồn ngân sách trung ương cho các cơ quan chủ quản chương trình nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia. ~~Tuân thủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.~~

~~b) Phù hợp tiến độ thực hiện kế hoạch giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt~~

b) Phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo nguyên tắc trung ương phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng vốn từng chương trình; bộ, cơ quan trung ương và địa phương quyết định phân bổ chi tiết, lựa chọn nội dung, giải pháp thực hiện.

c) Phân bổ, sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí.

~~e) Trên cơ sở kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao, kết quả huy động vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, kết quả giải ngân vốn năm thực hiện.~~

d) Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

3. đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ~~tại địa phương theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.~~

43. Các nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện:

a) Nội dung, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ~~cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên thực hiện hoạt động đầu tư, bảo trì công trình xây dựng, hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này.~~

~~b) Xây dựng và duy trì hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.~~

eb) Hoạt động kiểm tra, theo dõi, đánh giá và ~~H~~hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia ở ~~trung ương và địa phương các cấp.~~

5. ~~Cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia~~

a) ~~Sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, theo định mức cho một số đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia để tự thực hiện đầu tư, không quản lý theo hình thức dự án đầu tư. Tài sản hình thành sau đầu tư không là tài sản công.~~

b) ~~Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện chính sách theo quy định Điều 6, Điều 7 Nghị định này.~~

c) ~~Mục tiêu, nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của từng chính sách thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Điều kiện, yêu cầu kỹ thuật (nếu có) của từng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.~~

d) ~~Tổng hợp, rà soát, thẩm định và quyết định danh sách đối tượng hỗ trợ:~~

~~Ủy ban nhân dân cấp xã công khai thông tin chính sách, rà soát, thẩm định, tổng hợp Danh sách đối tượng chính sách có nhu cầu được hỗ trợ đảm bảo phù hợp với nội dung, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí theo quy định từng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng chính sách.~~

~~Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương có trách nhiệm công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách, mức hỗ trợ theo từng nội dung chính sách hỗ trợ tại trụ sở làm việc.~~

đ) ~~Tổ chức rút dự toán, thanh toán cho đối tượng chính sách:~~

~~Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán trực tiếp bằng tiền cho đối tượng chính sách theo từng lần thanh toán. Trường hợp sau 30 ngày rút dự toán chưa hoàn thành thanh toán cho đối tượng chính sách, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp lại Kho bạc Nhà nước số tiền chưa được thanh toán.~~

~~Việc thanh toán vốn thực hiện chính sách đất ở, đất sản xuất cho một (01) đối tượng chính sách chỉ thực hiện một lần duy nhất bằng 100% mức hỗ trợ. Việc thanh toán hỗ trợ xây mới nhà ở trong thực hiện chính sách nhà ở cho một (01) đối tượng chính sách thực hiện hai lần; thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành phần móng nhà ở, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành xây mới nhà ở.~~

~~Việc thanh toán các chính sách hỗ trợ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiến độ, điều kiện thanh toán cho một (01) đối tượng chính sách một lần duy nhất, hoặc phân kỳ thanh toán nhưng không quá hai (02) lần. Trường hợp phân kỳ thanh toán, thực hiện thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng~~

chính sách đã hoàn thành một khối lượng công việc nhất định theo tiến độ, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành việc đầu tư.

e) ~~Lập hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách và hồ sơ thanh toán cho đối tượng chính sách:~~

~~Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách bao gồm: Sổ theo dõi tiến độ thực hiện của đối tượng chính sách từ thời điểm hỗ trợ lần đầu đến thời điểm hoàn thành thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất mang tên đối tượng chính sách được cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc biên bản xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ giữa Ban quản lý xã và từng đối tượng chính sách theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định này; các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có); hồ sơ thanh toán; danh sách đối tượng chính sách ký nhận tiền hỗ trợ và chứng từ xác nhận việc thanh toán. Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.~~

~~Hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 02, bảng kê danh sách các đối tượng chính sách và mức hỗ trợ cho hộ gia đình (có ký xác nhận của đối tượng chính sách, hoặc người được đối tượng chính sách ủy quyền, hoặc chủ hộ gia đình) theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định này; kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, danh sách các đối tượng chính sách được hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng chính sách; 01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.~~

~~g) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư của các đối tượng chính sách. Trường hợp đến hết giai đoạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, đối tượng chính sách đã nhận thanh toán lần đầu nhưng chưa thực hiện các thủ tục thanh toán phần còn lại theo định mức, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản đến đối tượng chính sách yêu cầu thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, làm thủ tục thanh toán vốn còn lại của mức hỗ trợ theo quy định.~~

~~Sau ba (03) lần thông báo, đối tượng chính sách không thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, thanh toán vốn hỗ trợ còn lại, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán số tiền đã thanh toán; không thanh toán số tiền hỗ trợ còn lại (nếu có) của đối tượng chính sách.~~

64. Quản lý, thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

a) Quản lý, Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện

theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Điều 12 Nghị định này.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư của Bộ Tài chính.

Điều 12. Cơ chế đặc thù trong sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc áp dụng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách:

a) Sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, theo định mức cho một số đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia để tự thực hiện đầu tư, không quản lý theo hình thức dự án đầu tư. Tài sản hình thành sau đầu tư không là tài sản công.

b) Mục tiêu, nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của từng chính sách thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Điều kiện, yêu cầu kỹ thuật (nếu có) của từng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Quy trình tổng hợp, rà soát, thẩm định và quyết định danh sách đối tượng hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn trực thuộc công khai thông tin chính sách, rà soát, thẩm định, tổng hợp Danh sách đối tượng chính sách có nhu cầu được hỗ trợ đảm bảo phù hợp với nội dung, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí theo quy định từng chính sách, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng chính sách.

b) Phòng chuyên môn cấp xã có trách nhiệm công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách, mức hỗ trợ theo từng nội dung chính sách hỗ trợ tại trụ sở làm việc.

3. Tổ chức rút dự toán, thanh toán cho đối tượng chính sách:

a) Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao, Phòng chuyên môn cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán trực tiếp bằng tiền cho đối tượng chính sách theo từng lần thanh toán.

Trường hợp sau 30 ngày rút dự toán chưa hoàn thành thanh toán cho đối tượng chính sách, phòng chuyên môn cấp xã có trách nhiệm nộp lại Kho bạc Nhà nước số tiền chưa được thanh toán.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiến độ, điều kiện thanh toán cho một (01) đối tượng chính sách một lần duy nhất, hoặc phân kỳ thanh toán nhưng không quá hai (02) lần.

Trường hợp phân kỳ thanh toán, thực hiện thanh toán lần đầu (lần 1) sau khi đối tượng chính sách đã hoàn thành một khối lượng công việc nhất định theo tiến độ, mức thanh toán tối đa không quá 70% mức hỗ trợ theo quy định; thanh toán phần còn lại của mức hỗ trợ (lần 2) sau khi đối tượng chính sách hoàn thành việc đầu tư.

4. Lập hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách và hồ sơ thanh toán cho đối tượng chính sách

a) Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách bao gồm: Sổ theo dõi tiến độ thực hiện của đối tượng chính sách từ thời điểm hỗ trợ lần đầu đến thời điểm hoàn thành thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ có xác nhận của phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ giữa Ban quản lý xã và từng đối tượng chính sách theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định này; các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có); hồ sơ thanh toán; danh sách đối tượng chính sách ký nhận tiền hỗ trợ và chứng từ xác nhận việc thanh toán.

Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách được lưu tại phòng chuyên môn cấp xã.

b) Hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 02, bảng kê danh sách các đối tượng chính sách và mức hỗ trợ cho hộ gia đình (có ký xác nhận của đối tượng chính sách, hoặc người được đối tượng chính sách ủy quyền, hoặc chủ hộ gia đình) theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định này; kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, danh sách các đối tượng chính sách được hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng chính sách; 01 bộ lưu tại phòng chuyên môn cấp xã.

5. Theo dõi tiến độ thực hiện và quyết toán vốn hỗ trợ

a) Phòng chuyên môn cấp xã theo dõi, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện và quyết toán vốn hỗ trợ của các đối tượng chính sách.

b) Trường hợp đến hết giai đoạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, đối tượng chính sách đã nhận thanh toán lần đầu nhưng chưa thực hiện các thủ tục thanh toán phần còn lại theo định mức, phòng chuyên môn cấp xã thông báo bằng văn bản đến đối tượng chính sách yêu cầu thực hiện các

thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, làm thủ tục thanh toán vốn còn lại của mức hỗ trợ theo quy định.

c) Sau ba (03) lần thông báo, đối tượng chính sách không thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả đầu tư, thanh toán vốn hỗ trợ còn lại, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán số tiền đã thanh toán; không thanh toán số tiền hỗ trợ còn lại (nếu có) của đối tượng chính sách.

Điều 13 10. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) ~~Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.~~

ba) Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia chỉ thực hiện trong trường hợp có sự trùng lặp đồng thời về nội dung, đối tượng và phạm vi, địa bàn thực hiện. Việc lồng ghép phải đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình.

eb) ~~Ưu tiên Lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án khác không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã địa bàn để huy động các nguồn lực thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát huy hiệu quả của từng các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

~~Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.~~

d) ~~Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.~~

c) Thực hiện phân định rõ nguồn vốn, cơ chế thực hiện, thanh toán, quyết toán thực hiện từng nội dung, hoạt động, dự án, hạng mục đầu tư theo từng chương trình, dự án, chính sách; không thực hiện hòa vốn giữa các chương trình, dự án, chính sách khi thực hiện lồng ghép.

đ) ~~Lấy nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm trọng tâm để thực hiện việc lồng ghép nguồn vốn. Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép. Thực hiện thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương. Mức hỗ trợ thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được áp dụng theo định mức chi cao nhất theo quy định hiện hành.~~

~~e) Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép.~~

2. Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác

a) Dự án đầu tư.

b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

đ) Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

3. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện theo **cơ chế quản lý của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ, chính sách quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.**

Điều 14 11. Huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung thuộc phạm vi đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của từng chính sách tín dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ~~huyện~~ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định **cơ chế, chính sách**, quy mô, bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương thực hiện chính sách ~~tín dụng~~, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng; **tham gia thực hiện lĩnh vực**, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia **theo quy định của Luật Đầu tư công** và bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương ~~và quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước và quản lý vốn tín dụng chính sách.~~

2. Sử dụng nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của từng chính sách tín dụng và các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng; ~~khuyến khích sử dụng ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai các chính sách tín dụng hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

Điều 15 12. Huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Huy động nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Huy động, thu hút nguồn vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác **thực hiện** theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động), doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ~~đảm bảo sự tham gia đóng góp phải~~ trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng vốn huy động hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư được sử dụng theo quỹ định của pháp luật đầu tư, ~~các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.~~

b) Đóng góp (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện phân bổ, sử dụng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương **thực hiện** theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

Chương IV

CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUY MÔ NHỎ, KỸ THUẬT KHÔNG PHỨC TẠP

Điều 16 13. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư.

3. Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

4. Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

5. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 17 14. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Phương án 1:

~~1. Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.~~
~~2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.~~

~~3. Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.~~

1. 4. Dự án có kỹ thuật không phức tạp theo quy định của pháp luật xây dựng, pháp luật chuyên ngành có liên quan có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

2. Tổng mức đầu tư dự án được áp dụng cơ chế đặc thù xác định theo cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

Chủ chương trình quy định tiêu chí tổng mức đầu tư 01 dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

3. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Có sự tham gia của người dân trên địa bàn trong quá trình lập dự án, tổ chức thực hiện dự án.

~~5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.~~

Phương án 2:

~~1. Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.~~
~~2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.~~

~~3. Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.~~

1. 4. Dự án có kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện tỉnh.

Bộ Xây dựng quy định chi tiết tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với các dự án đầu tư xây dựng.

Bộ quản lý chuyên ngành quy định chi tiết tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với các dự án thuộc lĩnh vực quản lý (nếu có).

2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Có sự tham gia của người dân trên địa bàn trong quá trình lập dự án, tổ chức thực hiện dự án.

4. Thuộc loại danh mục dự án được áp dụng cơ chế đặc thù của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

Chủ chương trình quy định tiêu chí loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

~~5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.~~

Phương án 3:

1. Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.

4. Có kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện tỉnh.

5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Điều 18 15. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

1. Các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù được phép lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản).

2. Nội dung Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích đất sử dụng, chủ đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện.

b) Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác.

c) Bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có, đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

d) Dự kiến năng lực tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi; kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư.

3. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Căn cứ kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, Ban quản lý xã thông báo đến cộng đồng dân cư tại thôn về dự án, công trình để tham gia vào quá trình lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Ban quản lý xã lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Ủy ban nhân dân cấp xã** thẩm định và phê duyệt.

c) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**, Ban quản lý xã hoàn thiện Hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

ed) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình, Ban phát triển thôn lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị** thẩm định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**, Ban phát triển thôn hoàn thiện Hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt.

~~4. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.~~

Điều 19 16. Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại khoản 2 **Điều 18 Điều 15** Nghị định này; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

2. Tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) ~~Ủy ban nhân dân cấp xã Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thành lập tổ thẩm định để có trách nhiệm thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản. Thành phần tổ thẩm định bao gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban giám sát của cộng đồng xã, công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính nông nghiệp xây dựng và môi trường, tài chính kế toán, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn (nếu có).~~

b) Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Lãnh đạo **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**, đại diện Ban giám sát của cộng đồng cấp xã, đại diện các phòng chuyên môn có liên quan, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn. **Phòng Kinh tế hoặc**

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị sử dụng bộ máy của Phòng để giúp việc Tổ thẩm định.

~~b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.~~

3. Nội dung thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch có liên quan.

b) Đánh giá sự phù hợp của bản vẽ thi công với điều kiện thực tế mặt bằng thi công công trình; mức độ an toàn và giải pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức được giao thi công.

c) Tính hợp lý của các chi phí so với giá thị trường tại địa phương, với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).

d) Khả năng huy động vốn theo cơ cấu từng nguồn vốn, gồm: Vốn nguồn ngân sách nhà nước so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đóng góp của tổ chức, cá nhân và vốn huy động hợp pháp khác.

đ) Tiến độ thi công dự kiến.

4. Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện thẩm định và hoàn thành báo cáo kết quả thẩm định - Cơ quan thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Phê duyệt đầu tư dự án

a) Căn cứ ý kiến thẩm định, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn hoàn thiện Hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

b) Đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hằng năm, thời gian phê duyệt đầu tư dự án phải đảm bảo trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.

Điều 20 17. Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp

1. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng.

2. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng **trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

a) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp.

b) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã đủ điều kiện thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng lựa chọn trên địa bàn huyện.

c) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu.

3. Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu

~~a) Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tín nhiệm lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.~~

a) Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b) Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã hoặc huyện có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã nơi có dự án; phải có Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã có dự án.

4. Quy trình lựa chọn nhà thầu

a) Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

b) Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

c) Nhà thầu quan tâm đến dự án đầu tư nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ và tên, độ

tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện.

d) Ban quản lý xã hoặc **Ban phát triển thôn** xem xét, đánh giá lựa chọn nhà thầu tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng; trong đó, ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ sử dụng nhân công là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 15 ngày.

5. Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Điều 21 18. Quản lý thi công xây dựng công trình, thanh toán và quyết toán dự án đầu tư xây dựng

1. Tổ chức thi công xây dựng công trình

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch giao vốn, Ban quản lý xã hoặc **Ban phát triển thôn** tiến hành ký kết hợp đồng xây dựng với đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ nhóm thợ trúng thầu (gọi chung là nhà thầu thi công) để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp áp dụng cơ chế quy định tại khoản 5 Điều 20 17 Nghị định này, tại Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công) làm đầu mối triển khai thực hiện dự án, ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình.

2. Trách nhiệm của nhà thầu thi công

a) Lập biện pháp, tiến độ thi công xây dựng công trình; biện pháp đảm bảo an toàn đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao (nếu có).

b) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt trước và trong khi thi công xây dựng; thi công và kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình theo đúng yêu cầu của thiết kế theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và hợp đồng xây dựng.

c) Trường hợp phát hiện sai khác, bất hợp lý giữa hồ sơ thiết kế, hợp đồng xây dựng (nếu có) so với điều kiện thực tế trong quá trình thi công thì thông báo cho Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã để thực hiện việc điều chỉnh.

d) Lập nhật ký thi công xây dựng công trình, bao gồm các thông tin chủ yếu sau: Số lượng nhân công, thiết bị thi công tại hiện trường; các công việc xây

dựng được thực hiện và nghiệm thu hằng ngày trên công trường; các sự cố, hư hỏng, tai nạn lao động, các vấn đề phát sinh khác và biện pháp khắc phục, xử lý (nếu có).

d) Lập, lưu trữ bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình và bàn giao cho Ban quản lý xã khi hoàn thành công trình.

3. Trách nhiệm quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng công trình

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.

b) Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình.

4. Nội dung giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã

a) Kiểm tra và xác nhận về chủng loại, chất lượng, khối lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình và các hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ, chứng minh về chất lượng (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

b) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà thầu thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và tiến độ thi công của công trình; thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định.

c) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công, khối lượng thi công xây dựng hoàn thành; tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định.

5. Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản; riêng nghiệm thu công việc xây dựng có thể ghi trực tiếp vào nhật ký thi công xây dựng công trình. Nội dung biên bản chủ yếu như sau:

a) Tên công việc xây dựng hoặc công trình được nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu.

b) Thành phần ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng gồm: Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã và đại diện nhà thầu thi công. Thành phần ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình gồm: Các thành phần nêu trên cùng với đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

c) Kết luận nghiệm thu, trong đó nêu rõ chấp thuận, hoặc không chấp thuận nghiệm thu; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có).

6. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 22 19. Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù tại địa phương.

Nội dung quy trình bảo trì mẫu bao gồm: Đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình; nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình; thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình; chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp; thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung sau:

a) Giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng; Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

3. Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Nội dung chi phí bảo trì bao gồm: Chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình, chi phí quản lý bảo trì thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và chi phí khác (nếu có).

Chương V

CƠ CHẾ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Mục 1. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23 20. Nguyên tắc quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất, **được phân kỳ theo năm ngân sách hoặc theo và không quá** thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. ~~Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.~~

~~2. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.~~

2. 3. Chi phí lựa chọn dự án, ~~mô hình hỗ trợ~~ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, ~~mô hình~~; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

3. 4. Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, ~~được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.~~

Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn trực thuộc xác định mức giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất trong thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tại cấp xã.

45. ~~Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.~~

Ngân sách nhà nước hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nội dung hỗ trợ tại Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án. Định mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia dự án thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. 6. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

Điều 24. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Quản lý tài sản hình thành trong thời gian thực hiện dự án

a) Chủ trì liên kết, đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên, đơn vị trực tiếp thực hiện dự án phát triển sản xuất quản lý, sử dụng và lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản, trích khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt dự án.

b) Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện như đối với tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

2. Xử lý tài sản hình thành từ cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị sau khi kết thúc dự án

a) Đối với tài sản có giá trị còn lại dưới 50% giá trị ban đầu, thực hiện chuyển giao quyền sở hữu cho chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết.

b) Đối với tài sản có giá trị còn lại từ 50% giá trị ban đầu trở lên, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tiếp nhận, xử lý, thanh lý tài sản tương tự quy trình xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Xử lý tài sản hình thành từ cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng sau khi kết thúc dự án

a) Thực hiện chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho cộng đồng dân cư.

b) Phương thức phân chia phải được các hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án xác định trong hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

4. Xử lý tài sản hình thành từ cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ hoặc đặc thù được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và phương thức xử lý tài sản sau thời điểm kết thúc dự án phát triển sản xuất phải được xác định cụ thể trong Quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án phát triển sản xuất của cấp có thẩm quyền.

Mục 2. CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 25. Điều kiện lựa chọn và phân cấp phê duyệt, quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

~~**Điều 21. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**~~

1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

b) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

c) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 4 khoản 5 Điều 23 Điều 20 Nghị định này và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp phê duyệt, quản lý dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại địa phương.

Điều 26. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án liên kết

2. ~~Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết~~

a) ~~Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.~~

b) ~~Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác và đầu mối tiếp nhận Hồ sơ:~~

1. Đối với dự án, kế hoạch liên kết do bộ, cơ quan trung ương thực hiện, Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này;

b) Nội dung dự án, kế hoạch theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định này;

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 06 kèm theo Nghị định này;

d) Bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Quyết định thành lập; văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận, hoặc cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; hợp đồng liên kết; văn bản khác (nếu có) theo quy định của bộ, cơ quan trung ương.

~~Đối với dự án, kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Hồ sơ, điều kiện và yêu cầu trong lựa chọn dự án, kế hoạch theo điều kiện thực tiễn của địa phương. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch phải quy định rõ các yêu cầu thông tin về: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung~~

~~ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); nội dung khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.~~

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong cho từng ngành, nghề, lĩnh vực và đầu mối tiếp nhận Hồ sơ tại địa phương.

Điều 27. Lựa chọn dự án liên kết

3. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

1. Thông báo kế hoạch và lập hồ sơ đề xuất dự án

~~a) Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản theo ủy quyền được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.~~

~~b) Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.~~

~~b) Đối với dự án, kế hoạch do bộ, cơ quan trung ương thực hiện, đơn vị chủ trì liên kết xây dựng Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định này, gửi bộ, cơ quan trung ương. cơ quan, đơn vị thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.~~

~~Đối với dự án, kế hoạch do địa phương quản lý, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.~~

3. Tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất dự án

~~a) e) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập, hoặc giao cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc trình cấp có thẩm quyền thành lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. theo quy định phân cấp quản lý dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng.~~

~~Thành phần Hội đồng tại bộ, cơ quan trung ương bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương, hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực~~

~~thuộc bộ, cơ quan trung ương theo ủy quyền; thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn trực thuộc và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).~~

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng lựa chọn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị do cấp tỉnh quản lý. Thành phần Hội đồng lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc quản lý của cấp tỉnh bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực dự án, kế hoạch; các thành viên là đại diện các sở có liên quan, đại diện lãnh đạo cấp xã nơi triển khai dự án và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác.

~~Thành phần Hội đồng tại địa phương bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cấp tỉnh thành lập Hội đồng) nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).~~

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng lựa chọn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị do cấp xã quản lý. Thành phần Hội đồng lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc quản lý của cấp xã bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo phòng quản lý chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; các thành viên là đại diện các phòng có liên quan, chuyên gia

b) Hội đồng lựa chọn dự án tiến hành đánh giá, cho ý kiến đối với các hồ sơ đề xuất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong 20 ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

~~Nội dung thẩm định đánh giá phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án; các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).~~

4. Quyết định lựa chọn dự án

~~a) d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; Chủ tịch Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xã quyết định hoặc ủy quyền cho~~

Thủ trưởng phòng, ~~bán chuyên môn~~ trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, ~~kế hoạch~~ liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện xã.

bđ) Nội dung quyết định dự án, ~~kế hoạch~~ liên kết phải bao gồm:

Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện;

Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có));

Nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động;

Mức hỗ trợ, tiền độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ;

Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết;

~~Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);~~

Nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;

Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);

Phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án (nếu có);

Phương thức hỗ trợ~~Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có);~~ phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có);

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Điều 28. Cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án theo các phương thức:

a) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đơn vị chủ trì liên kết tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án;

b) Hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết thông qua chủ trì liên kết;

c) Phương thức kết hợp hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với nội dung của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

~~4. Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung hỗ trợ đối tượng liên kết:~~

~~a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.~~

~~b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.~~

~~c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.~~

~~d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.~~

5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước

~~a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

~~4. Đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cơ quan Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.~~

~~Đối với dự án, kế hoạch của bộ, cơ quan trung ương, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch.~~

~~b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.~~

Điều 29. Tổ chức thực hiện

~~6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:~~

1. a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ quan, đơn vị được giao thực hiện

hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

Hợp đồng ký kết phải nêu rõ yêu cầu về tiến độ, kết quả, trách nhiệm của các bên liên quan trong thực hiện dự án liên kết.

~~b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).~~

2. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết tổ chức thực hiện dự án theo yêu cầu nội dung, tiến độ, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Quyết định phê duyệt dự án và theo trách nhiệm tại hợp đồng ký kết.

3. e) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nghiệm thu, Tthanh toán, giải ngân vốn kinh phí hỗ trợ cho đơn vị chủ trì liên kết, hoặc các bên liên quan theo đề xuất của chủ trì liên kết và tiến độ, yêu cầu về nội dung, kết quả thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đơn vị chủ trì liên kết; lập sổ theo dõi quá trình thực hiện, thanh toán, giải ngân kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án.

~~d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).~~

~~Đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.~~

~~7. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết:~~

~~a) Thực hiện các nội dung phát triển sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Hợp đồng ký kết với cơ quan, nhà nước.~~

~~b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo quyết định phê duyệt dự án.~~

Quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định của Chính phủ quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Thông tư của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn sự nghiệp thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Chủ trì liên kết và các bên liên quan lập e) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có) trong thời gian thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt dự án, hợp đồng ký kết với cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất; tiếp nhận hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất sau khi thanh lý hợp đồng thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt dự án .

5. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký kết thanh lý hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết sau khi đơn vị chủ trì liên kết đã hoàn thành các nội dung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án và hợp đồng ký kết với đơn vị chủ trì liên kết.

Mục 3. CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

~~Điều 22. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng~~

Điều 30. 1. Điều kiện lựa chọn và phân cấp quản lý hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, ~~phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng~~

1. Điều kiện lựa chọn dự án của cộng đồng

a) Đảm bảo lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại ~~khoản 4 khoản 5 Điều 23 Điều 20~~ Nghị định này và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, ~~phương án sản xuất, dịch vụ~~ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phòng chuyên môn trực thuộc chịu trách nhiệm quản lý dự án phát triển sản xuất của cộng đồng.

Điều 31. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất của cộng đồng

~~2. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch phải quy định rõ các yêu cầu thông tin về: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có); kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có); nội dung khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.~~

1. Hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất cộng đồng

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 kèm theo Nghị định này;
- b) Nội dung dự án theo Mẫu số 08 kèm theo Nghị định này;
- c) Biên bản họp dân và các tài liệu khác (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết mẫu hồ sơ đề nghị dự án của cộng đồng cho từng ngành, nghề, lĩnh vực và đầu mối tiếp nhận Hồ sơ tại địa phương.

Điều 32. Lựa chọn dự án của cộng đồng

~~3. Lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng~~

1. Thông báo kế hoạch và lập hồ sơ đề xuất dự án

a) ~~Cơ quan, đơn vị~~ Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, ~~phương án sản xuất, dịch vụ theo quy định tại Điều 31 Nghị định này, gửi cơ quan, đơn vị phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.~~

2. Tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất dự án

a) Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ đánh giá hồ sơ đề nghị dự án. Phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Tổ đánh giá.

~~c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định đánh giá bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xã hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; phòng chuyên môn có liên quan (trường hợp lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là Tổ trưởng) hoặc đại diện phòng chuyên môn có liên quan (trường hợp Thủ trưởng phòng chuyên môn là Tổ trưởng) cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).~~

b) Tổ đánh giá hồ sơ tiến hành đánh giá, cho ý kiến đối với các hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất cộng đồng trong vòng 20 ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

Nội dung ~~thẩm định đánh giá~~ phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này; sự cần thiết thực hiện dự án, ~~phương án sản xuất, dịch vụ~~; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

3. Quyết định lựa chọn dự án

a) ~~d)~~ Căn cứ ý kiến ~~thẩm định~~ của Tổ ~~thẩm định đánh giá dự án~~, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ~~xã~~ quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng ~~chuyên môn, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã~~ quyết định phê duyệt lựa chọn dự án ~~hỗ trợ~~ phát triển sản xuất, ~~dịch vụ~~ do cộng đồng dân cư đề xuất.

b) ~~đ)~~ Nội dung quyết định dự án, ~~phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ~~ phải bao gồm:

Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án;

Các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có));

Nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động;

Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ;

Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, ~~phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);~~

Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);

Phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án (nếu có);

Phương thức ~~thức~~ ~~hỗ trợ; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có);~~ giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có);

Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Điều 33. Cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án theo các phương thức:

a) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho tổ, nhóm cộng đồng tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án;

b) Hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho tổ, nhóm cộng đồng;

c) Phương thức kết hợp hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với nội dung của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

~~4. Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:~~

~~a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.~~

~~b) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.~~

~~c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.~~

5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước

~~a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

4. Cơ quan Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án phương án, nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

~~b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.~~

Điều 34. Tổ chức thực hiện

~~6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:~~

1. a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, phòng chuyên môn tiến hành ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Hợp đồng ký kết phải nêu rõ yêu cầu về tiến độ, kết quả, trách nhiệm của các bên liên quan trong thực hiện dự án liên kết.

2. Phòng chuyên môn, tổ, nhóm cộng đồng tổ chức thực hiện dự án theo yêu cầu nội dung, tiến độ, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Quyết định phê duyệt dự án và theo trách nhiệm tại hợp đồng ký kết.

~~b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).~~

3. e) Phòng chuyên môn thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo đề xuất của tổ, nhóm cộng đồng và tiến độ, yêu cầu về nội dung, kết quả thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng; lập sổ theo dõi quá trình thực hiện, thanh toán, giải ngân kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án.

Quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

~~7. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên:~~

~~a) Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.~~

~~b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.~~

4. Tổ, nhóm cộng đồng lập e) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có); tiếp nhận tài sản sau khi thanh lý hợp đồng thực hiện dự án.

5. Phòng chuyên môn ký kết thanh lý hợp đồng với tổ, nhóm cộng đồng sau khi tổ, nhóm cộng đồng đã hoàn thành các nội dung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án và hợp đồng ký kết với phòng chuyên môn.

~~d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).~~

~~đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.~~

~~8. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.~~

~~a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng phù hợp điều kiện thực tiễn, năng lực quản lý, tổ chức thực hiện cấp cơ sở và của người dân.~~

~~b) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.~~

~~c) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.~~

~~d) Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.~~

~~đ) Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.~~

Mục 4. CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ

Điều 23. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Điều 35. 1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng một trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư;

b) Thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế;

c) Thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

d) Thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

~~a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của các cơ quan trung ương.~~

~~Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.~~

2.b) Dự án thực hiện theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải đảm bảo tối thiểu 70% phần kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp cho thực hiện các đến hoạt động sản xuất của người dân.

Điều 36. Cơ chế hỗ trợ

1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công; thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2.3. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 dự án. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án; tổng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng hoặc bên trúng thầu thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các bên liên quan.

Điều 37. Phê duyệt dự án

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

1. a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; kế hoạch, hoặc dự toán ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan, cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát

triển sản xuất phê duyệt dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

2. b) Nội dung phê duyệt dự án, ~~đề án mô hình phải làm rõ các nội dung~~ bao gồm:

a) Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng được hỗ trợ từ dự án;

b) Các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, hoạt động; các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ cần đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu (theo từng nội dung hoặc tổng thể các nội dung);

c) Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án;

d) Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có);

đ) Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);

e) Phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án (nếu có);

g) Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); các nội dung khác theo quy định của cơ quan chủ quản chương trình.

Điều 38. Quy trình lựa chọn đơn vị thực hiện dự án

1. b) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thực hiện dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

2. e) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất Tổ chức lựa chọn, ban hành quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ, hoặc ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng, bên trúng thầu thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị được lựa chọn thực hiện dự án triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động của dự án theo Hợp đồng đã ký kết với cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

2. d) Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ theo quyết định phê duyệt dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm

vụ; quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, hoặc hợp đồng đặt hàng, hoặc hợp đồng ký với nhà thầu được lựa chọn.

3. Quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Mục 5. CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐẶC THÙ

Điều 40. Điều kiện thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù

~~Điều 24. Hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù~~

~~1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù~~

1. Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù được áp dụng một trong các trường hợp sau:

a) ~~Thực hiện dự án, mô hình~~ phát triển sản xuất mới để thí điểm triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sản xuất trước khi áp dụng rộng rãi;

b) ~~hoặc các~~ **Thực hiện các dự án, mô hình** phát triển sản xuất gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

~~b) Dự án, mô hình phát triển sản xuất không phù hợp để áp dụng các hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.~~

2. Dự án phát triển sản xuất phải phù hợp với nội dung từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 41. Xây dựng, phê duyệt dự án phát triển sản xuất

~~1. 2. Bộ, cơ quan trung ương được giao kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ sản xuất giao cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng, phê duyệt dự án; thành lập Hội đồng lựa chọn dự án.~~

2. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng lựa chọn dự án; Bộ trưởng, Thủ tướng Bộ, cơ quan trung ương phê duyệt dự án áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, mô hình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung dự án thành phần theo quyết định phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 42. Cơ chế hỗ trợ, thực hiện dự án

~~1. 3. Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí thực hiện dự án, mô hình phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình.~~

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng của Bộ, cơ quan trung ương được giao kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định tổng mức kinh phí, định mức thực hiện từng hạng mục, nội dung dự án đảm bảo phù hợp với tổng dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 43. Tổ chức thực hiện dự án

Bộ, cơ quan trung ương tổ chức thực hiện dự án, ~~mô hình sử dụng, thanh toán và giải ngân vốn kinh phí dựa trên kết quả nghiệm thu dự án, mô hình theo~~ mục tiêu, nhiệm vụ, ~~tiến độ thực hiện đã được phê duyệt.~~

Chương VI

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 44 25. Tổ chức quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia tại Trung ương

1. ~~Bộ Kế hoạch và Đầu tư Tài chính thực hiện thống nhất quản lý nhà nước, tổng hợp chung về các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

2. Chủ chương trình, chủ dự án thành phần thực hiện quản lý chương trình, dự án thành phần theo quyết định của ~~Thủ tướng Chính phủ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình.~~

3. Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia được thành lập, hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và không làm tăng biên chế.

Điều 45 26. Tổ chức quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền.

2. Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia ~~các cấp ở địa phương cấp tỉnh~~ được thành lập, hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và không làm tăng biên chế.

3. Ban quản lý xã, phường, ~~thị trấn đặc khu~~ (gọi chung là Ban quản lý xã) được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. ~~Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc làm Trưởng Ban quản lý xã là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là đại diện các phòng chuyên môn có liên quan bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan các chương trình mục tiêu quốc gia và đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và, cộng đồng dân cư.~~

4. Ban phát triển thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là Ban phát triển thôn) do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận. ~~Ban phát triển thôn phải có ít nhất một thành viên là người có uy tín, kinh nghiệm tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.~~

Điều 46 27. Nâng cao năng lực tổ chức quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Yêu cầu trong nâng cao năng lực tổ chức quản lý, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Tăng cường phân cấp, trao quyền; phân công rõ ràng nhiệm vụ thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia để nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên các cấp; thúc đẩy năng lực tự thực hiện của cộng đồng dân cư.

~~b) Lồng ghép trong tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên các cấp, cộng đồng dân cư tại cơ sở.~~

b) e) Xây dựng nội dung nâng cao năng lực quản lý và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phải phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán từng dân tộc, vùng miền và gắn với nâng cao kỹ năng tổ chức thực hiện, đánh giá theo kết quả đầu ra.

2. Hoạt động nâng cao năng lực tổ chức quản lý, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định về phân công, phân cấp, trao quyền trong lập kế hoạch, quản lý đầu tư theo cơ chế đặc thù, hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị định này.

b) Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên trực tiếp quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cộng đồng dân cư về nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật thực hiện các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, kỹ năng thực hiện hoạt động giám sát cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 47 28. Truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia

1. Yêu cầu trong thực hiện hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia

a) Thiết kế nội dung truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán và năng lực, nhu cầu tiếp nhận của từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn.

b) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tuyên truyền; ưu tiên hình thức truyền thông, tuyên truyền có sự tham gia của cộng đồng dân cư tại cơ sở.

c) Lồng ghép nội dung trong thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

2. Hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia

a) Xây dựng kế hoạch, thiết kế nội dung truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Thực hiện truyền thông, tuyên truyền về các quy định pháp luật, tài liệu hướng dẫn liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Thực hiện truyền thông, tuyên truyền về cách làm hay, gương điển hình, tiêu biểu, kết quả đạt được, khó khăn vướng mắc phát sinh trong quản lý và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Thực hiện các hoạt động đối thoại chính sách trong chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Tổ chức các cuộc thi báo chí tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Hình thức truyền thông, tuyên truyền

a) Phát hành chuyên mục, ấn phẩm truyền thông, các sản phẩm số hóa, các hình thức tuyên truyền khác (nếu có).

b) Hình thức sinh hoạt cộng đồng.

c) Thông qua người có uy tín, nông dân điển hình.

Điều 48 29. Công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia

1. Chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình, cơ quan, đơn vị ~~và cấp trực thuộc~~ **thực hiện chương trình có trách nhiệm thực hiện** công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Nội dung công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia gồm:

a) Các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn; tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm ở mỗi cấp; danh mục dự án đầu tư ~~trên địa bàn~~; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác.

c) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo tài chính theo quy định (trong đó phải bao gồm: báo cáo quyết toán sử dụng các nguồn vốn, khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân các dự án đầu tư).

d) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, các vụ tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức tham gia quản lý, điều hành và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Các ý kiến phản hồi từ người dân và kết quả xử lý ý kiến phản hồi.

3. Hình thức, thời hạn công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Chương VII

THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 49 30. Giám sát Theo dõi, kiểm tra chương trình mục tiêu quốc gia

1. Trách nhiệm, ~~trình tự, cách thức~~ thực hiện ~~giám sát theo dõi, kiểm tra~~ chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 75~~4~~ Luật Đầu tư công.

2. Nội dung ~~giám sát theo dõi, kiểm tra~~ của chủ chương trình

a) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý thực hiện chương trình: Xây dựng hệ thống văn bản quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý chương trình, dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình.

c) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước: Huy động, sử dụng vốn thực hiện chương trình, dự án thành phần; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc chương trình, dự án thành phần (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)).

d) Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình.

~~e) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình, kết quả xử lý các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.~~

3. Nội dung ~~theo dõi, kiểm tra giám sát~~ của chủ dự án thành phần

a) Theo dõi, kiểm tra các nội dung về: Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện dự án thành phần theo phân cấp: công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý, thực hiện nội dung, hoạt động dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hoạt động dự án thành phần.

c) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước, năng lực quản lý dự án thành phần, việc xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của cơ quan chủ quản chương trình.

d) Theo dõi các nội dung về: Tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần; lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, kết quả giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh và kết quả xử lý.

~~đ) Báo cáo tình hình thực hiện dự án thành phần; kết quả xử lý vướng mắc, khó khăn theo thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.~~

~~4. Nội dung theo dõi, kiểm tra giám sát của cơ quan chủ quản chương trình và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.~~

a) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, tổ chức thực hiện chương trình theo phạm vi quản lý: Xây dựng văn bản quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý chương trình, dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình thuộc phạm vi quản lý: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình.

c) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý: Huy động, sử dụng vốn thực hiện các chương trình; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc các chương trình (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)).

d) Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo kết quả thực hiện các chương trình thuộc phạm vi quản lý.

5. Nội dung theo dõi, kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công-Bộ Tài chính

a) Theo dõi tiến độ, kết quả xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành, cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương, địa phương;

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: tiến độ thực hiện mục tiêu của từng chương trình; thực hiện kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp), giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh, kết quả xử lý các vướng mắc tại chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương, địa phương; cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp;

c) Theo dõi, kiểm tra tiến độ, tình hình thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình theo quy định.

~~b) Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: tiến độ thực hiện mục tiêu của từng chương trình; thực hiện kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp), giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh, kết quả xử lý các vướng mắc.~~

d) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định trong quản lý, tổ chức thực hiện, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư thuộc chương trình của các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản và các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện chương trình ở các cấp.

đ) Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia của cơ quan chủ quản chương trình, cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản chương trình.

e) Theo dõi, kiểm tra việc xử lý và chấp hành biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của cơ quan, đơn vị liên quan.

~~đ) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.~~

6. Chi phí thực hiện hoạt động theo dõi, kiểm tra giám sát chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình, Bộ Tài chính được bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm.

Điều 50 31. Nội dung Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

~~1. Trách nhiệm, trình tự, cách thức thực hiện đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.~~

1. Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 76 Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Nội dung đánh giá hằng tháng

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình trong tháng.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp.

3.2. Nội dung đánh giá 6 tháng, hằng năm ~~chương trình mục tiêu quốc gia~~

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình trong năm thực hiện gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, ~~giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.~~

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp thực hiện năm tiếp theo.

4.3. Nội dung đánh giá giữa kỳ ~~chương trình mục tiêu quốc gia~~

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, **kiểm tra giám sát, đánh giá chương trình, giám sát đầu tư cộng đồng;** công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

d) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

d) Đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn 5 năm, bao gồm đề xuất điều chỉnh chương trình (nếu có).

5.4. Nội dung đánh giá kết thúc và đánh giá tác động chương trình mục tiêu quốc gia

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, ~~kiểm tra giám sát~~, đánh giá chương trình và **giám sát đầu tư cộng đồng**; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

đ) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

6.5. Nội dung đánh giá đột xuất về chương trình mục tiêu quốc gia

a) Nội dung **đánh giá theo quy định tại khoản 4 1 Điều này.**

b) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của chương trình.

7.6. Chi phí thực hiện hoạt động đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản tại trung ương và địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình, Bộ Tài chính-quản lý nhà nước về đầu tư công được bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm.

Điều 51. Phương pháp thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phương pháp thực hiện theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia

a) Theo dõi thông qua tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định này;

b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cấp để nắm bắt tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

2. Phương pháp thực hiện kiểm tra chương trình mục tiêu quốc gia

a) Cơ quan thực hiện hoạt động kiểm tra ban hành kế hoạch kiểm tra theo năm kế hoạch, gửi các đối tượng kiểm tra.

Trước thời điểm tiến hành kiểm tra, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo cụ thể nội dung kiểm tra, yêu cầu về cung cấp hồ sơ, thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra.

Kết thúc hoạt động kiểm tra, cơ quan kiểm tra có kết luận thông báo kết quả thực hiện kiểm tra.

b) Thời thực hiện hoạt động kiểm tra 01 đối tượng được kiểm không quá 5 ngày làm việc.

3. Phương pháp đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Đánh giá thông qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định này;

b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cấp để đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

Điều 52. Chế độ báo cáo, thiết lập chỉ số đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

~~**Điều 32. Thiết lập chỉ số, biểu mẫu và hệ thống giám sát và đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia**~~

1. Chế độ báo cáo theo dõi, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Tài chính thực hiện các báo cáo: Báo cáo theo dõi, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia hằng tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn theo lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần thực hiện các báo cáo: Báo cáo theo dõi kết quả thực hiện chương trình theo lĩnh vực quản lý, báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm, giữa kỳ, đột xuất, kết thúc giai đoạn 5 năm theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hằng tháng, 6 tháng, hằng năm; báo cáo đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 5 năm theo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

d) Các cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện báo cáo về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.

2.1. Xây dựng Thiết lập chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm: Các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra, chỉ số đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện, đánh giá tác động; các biểu mẫu thu thập thông tin.

b) Trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần xây dựng chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá, ban hành hướng dẫn phương pháp đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia chậm nhất sau 60 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư chương trình.

c) Chủ dự án thành phần xây dựng chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá dự án thành phần và phối hợp với chủ chương trình thống nhất các chỉ số chung cho chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thiết lập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi tắt là Hệ thống)

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Tài chính thiết lập Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là Hệ thống) và xây dựng cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Hệ thống được thiết lập tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công và các Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia đề cập nhất, tích hợp, lưu trữ thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi cả nước.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chuẩn dữ liệu liên thông với hệ thống quản lý của chủ chương trình; tổng hợp số liệu và thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống; quản lý vận hành Hệ thống.

e) ~~Chủ chương trình xây dựng Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo nhiệm vụ được giao, liên thông dữ liệu vào cơ sở dữ liệu Hệ thống.~~

d) ~~Chủ dự án thành phần chịu trách nhiệm cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình.~~

đ) ~~Cơ quan chủ quản chỉ đạo cơ quan chuyên môn nhập dữ liệu chỉ số, biểu mẫu về giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.~~

3. Báo cáo về giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) ~~Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, đột xuất và kết thúc giai đoạn 5 năm theo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.~~

b) ~~Chủ chương trình thực hiện các báo cáo: Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm trước tháng 10 năm thực hiện; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, đột xuất, kết thúc giai đoạn 5 năm theo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.~~

e) ~~Chủ dự án thành phần phối hợp với chủ chương trình thực hiện các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện dự án thành phần hằng năm; báo cáo đánh giá thực hiện dự án thành phần giữa kỳ, đột xuất, kết thúc giai đoạn 5 năm.~~

d) ~~Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm; báo cáo đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 5 năm theo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.~~

đ) ~~Các cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện báo cáo về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.~~

e) ~~Báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện trên Hệ thống. Trường hợp số liệu bản giấy và trên Hệ thống khác nhau thì thông tin trên Hệ thống là cơ sở để tổng hợp, báo cáo.~~

b) Bộ Tài chính, chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình tại các cấp thực hiện chế độ báo cáo theo dõi, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia trực tuyến trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến quản lý nhà nước về các chương trình mục tiêu quốc gia.

~~4. Sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin phải phù hợp với các yêu cầu về quản lý, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các yêu cầu về quản lý, số hóa việc cung cấp, phân tích, tổng hợp báo cáo và chia sẻ thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật về chia sẻ dữ liệu số, an toàn, an ninh thông tin mạng.~~

d) Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia.

~~đ) 5. Chi phí cho công tác xây dựng, nâng cấp, quản lý vận hành và triển khai, cập nhật báo cáo trực tuyến trên Hệ thống và các hệ thống thông tin quản lý từng chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí từ kinh phí giám sát, đánh giá thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm, không vượt quá 10% tổng mức chi phí quản lý chương trình, dự án theo quy định.~~

Điều 53 33. Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các chương trình mục tiêu quốc gia chịu sự giám sát của cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nội dung giám sát cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia

a) Việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước.

b) Các dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện các nội dung, hoạt động và nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của ~~tại Điều 14 Luật đầu tư công, và Điều 15 Luật ngân sách nhà nước.~~

đ) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của chương trình.

e) Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cộng đồng dân cư về quá trình triển khai, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Trình tự, thủ tục, quy trình và chế độ giám sát của cộng đồng thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công ~~và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.~~

4. Chi phí hỗ trợ thực hiện giám sát của cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Chính phủ về chi phí giám sát, đánh giá đầu tư.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 54 34. Trách nhiệm của Bộ Tài chính ~~Kế hoạch và Đầu tư~~

1. ~~Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định chung về quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn tổ chức thực hiện theo thẩm quyền; quy định quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn sự nghiệp thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.~~

2. ~~Tổng hợp, đề xuất cân đối, phương án phân bổ, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương và hằng năm thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định phương án phân bổ, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm nguồn ngân sách trung ương của các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

3. ~~Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia.~~

4. ~~Thiết lập Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.~~

4. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Chính phủ kết quả phân bổ, sử dụng, giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá-giám sát chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 49, Điều 50 30 Nghị định này; thực hiện chế độ các báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 52 32 Nghị định này.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. ~~Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định tại Nghị định này.~~

2. ~~Đề xuất cân đối vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm; thông báo số kiểm tra kinh phí sự nghiệp dự toán hằng năm và hai năm tiếp theo, chi tiết theo dự án thành phần; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền dự toán ngân sách trung ương~~

~~hàng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ chương trình theo quy định.~~

~~3. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia của cơ quan chủ quản chương trình, cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản chương trình; theo dõi, tổng hợp và báo cáo Chính phủ kết quả giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền.~~

Điều 55 36. Trách nhiệm của chủ chương trình

~~1. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.~~

~~2. Chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần thông báo tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia; thông báo mức vốn sự nghiệp hàng năm và hai năm tiếp theo cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi tiết theo dự án thành phần hoặc theo quy định của cấp có thẩm quyền về cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia.~~

~~3. Chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần đề xuất nhu cầu bố trí vốn đầu tư công trung hạn, xây dựng phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm chi tiết theo từng dự án thành phần; đề xuất cân đối và phương án phân bổ dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương, dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chi tiết theo dự án thành phần hoặc theo quy định của cấp có thẩm quyền về cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương của từng chương trình mục tiêu quốc gia.~~

~~4. Xây dựng chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 52 Nghị định này 32 chậm nhất sau 60 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình.~~

~~5. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 32 Nghị định này; thiết lập liên thông dữ liệu với Hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.~~

5.6. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá giám sát chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Điều 30 Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 52 32-Nghị định này.

6.

Phương án 1:

Chủ chương trình quy định tiêu chí xác định tổng mức đầu tư 01 dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này (nếu có).

Phương án 2:

Chủ chương trình quy định chi tiết tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với các dự án thuộc lĩnh vực quản lý; loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Nghị định này (nếu có).

Phương án 3: (Không quy định trách nhiệm của chủ chương trình)**Điều 56 37. Trách nhiệm của chủ dự án thành phần**

1. Phối hợp với chủ chương trình xây dựng phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có); tổng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; đề xuất cân đối và phương án phân bổ **dự toán ngân sách trung ương**, kế hoạch đầu tư công vốn **ngân sách trung ương** hằng năm, ~~dự toán kinh phí sự nghiệp hằng năm và hai năm tiếp theo~~ của từng dự án thành phần cho các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ~~gửi chủ chương trình theo quy định.~~

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện dự án thành phần.

3. Phối hợp với chủ chương trình xác định chỉ số, ~~biểu mẫu giám sát~~, đánh giá dự án thành phần, **thực hiện chế độ báo cáo** theo quy định tại Điều 52 32 Nghị định này; ~~đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cập nhật các chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá dự án thành phần theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.~~

4. Thực hiện **theo dõi, kiểm tra** ~~giám sát~~ dự án thành phần theo quy định tại ~~Điều 49 Điều 30~~ Nghị định này.

5. ~~Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.~~

Điều 57 38. Trách nhiệm của bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan đến tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Phương án 1:

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 17, Điều 21, Điều 22 Nghị định này trong trường hợp có phát sinh vướng mắc khi triển khai thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp có phát sinh vướng mắc.

Phương án 2:

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm

b) Quy định tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

b) Hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này trong trường hợp có phát sinh vướng mắc khi triển khai thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp có phát sinh vướng mắc.

Phương án 3:

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định này trong trường hợp có phát sinh vướng mắc khi triển khai thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp có phát sinh vướng mắc.

Điều 58 39. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản chương trình

1. Xây dựng kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước hoạt động, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hằng năm gửi chủ chương trình, chủ dự án thành phần theo quy định tại Điều 8 Điều 5, Điều 7 Nghị định này.

2. Ban hành các quy định, quy chế tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc theo quy định tại Điều 21, Điều 23, Điều 24 Nghị định này.

2. 3. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá giám sát chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 49, Điều 50 ~~Điều 30~~ Nghị định này; chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 52 Nghị định này.

4. ~~Thực hiện các báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.~~

Điều 59 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm; tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 5 năm từng chương trình (nếu có), ~~chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp trong kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước 3 năm~~; danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh (nếu có); hoặc cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh (nếu có).

b) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo quy định tại Điều 11 Điều 9 Nghị định này.

~~c) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giữa các chương trình, dự án khác trên địa bàn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.~~

~~d) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này (nếu có).~~

c)đ) Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 28, Điều 33, Điều 36 Nghị định này ~~Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.~~

d)e) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không được hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ~~trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định~~ **chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.**

2. Lập, giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm theo quy định tại Điều 6 Nghị định này; lập và giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ, ~~kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm và kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước 03 năm của các chương trình mục tiêu quốc gia~~ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

~~3. Quy định cơ chế cấp phát, thanh toán vốn đầu tư công trong thực hiện các chính sách khác theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.~~

3. 4. Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định này:

a)

Phương án 1: ~~Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù, quy định tại Điều 14 Nghị định này; Quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình, áp dụng các thiết kế sẵn có quy trình bảo trì công trình mẫu đối với các dự án theo quy định tại Điều 17 Điều 14 Nghị định này.~~

Phương án 2: ~~Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù, quy định tại Điều 14 Nghị định này; Quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình, áp dụng các thiết kế sẵn có quy trình bảo trì công trình mẫu đối với các dự án theo quy định tại Điều 17 Điều 14 Nghị định này.~~

Phương án 3: Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù, quy định tại Điều 14 Nghị định này; quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình, áp dụng các thiết kế sẵn có quy trình bảo trì công trình mẫu đối với các dự án theo quy định tại Điều 17 Điều 14 Nghị định này.

b) Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình.

c) Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền).

d) Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

5. Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Chương V Nghị định này:

~~a) Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng (nếu có) theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Nghị định này.~~

~~b) Hướng dẫn triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo thẩm quyền.~~

~~4.6. Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định; h Hướng dẫn việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn tại địa phương.~~

5.7. Chỉ đạo thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Điều 30 Nghị định này; thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 52 Điều 32 Nghị định này.

Điều 60. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính không còn phù hợp với quy định tại Nghị định này thì được tiếp tục thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2025.

2. Tiếp tục thực hiện quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu, chế độ báo cáo trực tuyến trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý dự án đầu tư xây dựng và các nội dung không được quy định tại Nghị định này thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 61 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

~~2. Bãi bỏ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016–2020.~~

~~3. Quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này có hiệu lực áp dụng trong quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia theo thời gian thực hiện chương trình được Quốc hội phê duyệt.~~

~~4. Không áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định này trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực cấp điện, đầu tư lưới điện phân phối.~~

~~5. Đối với các nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý dự án đầu tư xây dựng và các nội dung không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.~~

~~6. Điều khoản chuyển tiếp~~

~~a) Đối với giai đoạn 2021–2025, căn cứ thông báo số kiểm tra vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024, năm 2025 từng chương trình mục tiêu quốc gia của Bộ Tài chính, chủ chương trình xây dựng phương án phân bổ và thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2024–2025 từng chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.~~

~~b) Các quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù đã được ban hành theo quy định tại Điều 13; nội dung, hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết ban hành theo quy định tại Điều 21; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất ban hành theo quy định tại Điều 22; quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ ban hành theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được tiếp tục áp dụng trong giai đoạn 2021–2025.~~

~~Trường hợp có sửa đổi, bổ sung, cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng các cơ chế (bao gồm, cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; nội dung, hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết; dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ) theo quy định tại Điều 1 Nghị định này được quyết định sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đã được ban hành trước thời điểm hiệu lực của Nghị định.~~

Điều 62 42. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc VN;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính